

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: **136/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/8/2021

“Về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Quang Luân.**

2. Bà **Phan Thị Bích.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Phương Hà** - Kiểm sát viên.*

Ngày 02/8/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29/4/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Tướng Văn L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 2 N, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị P**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 8 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Chị P đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh **Tướng Văn L** trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị **Lê Thị P** được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 14/3/2011 tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống, anh và chị P sống hạnh phúc với nhau bình thường được khoảng 01 năm, đến năm 2012 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa anh với chị P không hợp nhau, luôn bất

đồng quan điểm trong cuộc sống; đồng thời do từ khi còn nhỏ anh bị bệnh tật nhưng không được chữa trị kịp thời nên khi lớn lên anh bị bệnh yếu sinh lý, chị P bảo anh và chị chung sống cùng nhau thì không có tương lai (không có con chung) nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, năm 2012 chị P tự ý chuyển đồ đạc về sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ, đến năm 2017 chị P chuyển hộ khẩu về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn 8 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang từ đó cho đến nay.

Từ khi chị P chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ đến nay, anh đã nhiều lần nói chuyện trực tiếp, thông báo bằng điện thoại với chị P về việc anh làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang để giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị P. Chị P cũng xác định không còn tình cảm với anh và nhất trí ly hôn nhưng không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Sau đó chị P đi làm ăn xa nhà, nhiều lần anh đã điện thoại báo chị P về Tòa án giải quyết ly hôn nhưng chị P nói không về, anh hỏi địa chỉ cụ thể hiện nay chị P đang đi làm và ở đâu thì chị P chỉ nói đang đi làm công nhân công ty tại tỉnh Bắc Ninh nhưng không nói cho anh biết địa chỉ cụ thể ở đâu, làm công việc gì. Vì vợ chồng không quan tâm đến nhau nên anh cũng không còn lưu giữ hay nhớ số điện thoại cụ thể của chị P như thế nào nên anh không cung cấp cho Tòa án được. Anh L cam đoan và xác định anh đã thông báo cho chị P biết việc anh nộp đơn xin ly hôn chị P tại Tòa án, chị P có biết nhưng không đến Tòa án làm việc, đồng thời chị P cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú và làm việc hiện nay của mình không cho anh biết để cung cấp cho Tòa án. Anh và chị P cũng sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị P đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần, đồng thời anh có một vài lần đến nói chuyện và đón chị P từ nhà bố mẹ đẻ chị P về nhưng chị P không nhất trí quay về hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh xác định không còn tình cảm với chị P, mâu thuẫn giữa anh với chị P đã căng thẳng, trầm trọng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị P.

- Về con chung: Anh và chị P không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Anh và chị P không có tài sản chung, đất đai chung, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản vay và tài sản cho vay: Anh và chị P không có, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa, anh L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2021 và các văn bản tố tụng khác cho chị Lê Thị P

biết, báo gọi chị P nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng chị P không có mặt tại gia đình và địa phương, không trực tiếp đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nêu trên theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương thôn 8 M, xã Y, huyện H được cung cấp thông tin: Hiện nay chị Lê Thị P là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 8 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Anh L và chị P được tự do tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau năm 2011 tại UBND xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống giữa anh L và chị P thời gian đầu hạnh phúc bình thường, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay. Chị P thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thi thoảng mới về địa phương thăm gia đình, còn địa chỉ cụ thể ở đâu, số điện thoại của chị P như thế nào thì địa phương không biết. Đồng thời đại diện thôn 8 M, xã Y cũng xác định: Địa phương đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2021 của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa anh L với chị P, do Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên gửi nhờ địa phương giao lại cho chị P biết nội dung. Tuy nhiên do chị P thường xuyên đi làm ăn xa vắng nhà, không có mặt tại địa phương nên thôn đã trực tiếp niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2021 và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định pháp luật. Nay anh L làm đơn xin ly hôn với chị P, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo nội dung lời khai của bà Lý Thị S - là mẹ đẻ của chị Lê Thị P xác định: Anh L và chị P được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh L và chị P chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng một năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên năm 2012 chị P chuyển toàn bộ đồ đạc về sinh sống cùng gia đình bà, đến ngày 20/7/2017 chị P chuyển hộ khẩu về sinh sống cùng gia đình bà tại thôn 8 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang từ đó cho đến nay. Anh L và chị P cũng sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay, mỗi người một công việc không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chị P đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh ít khi về thăm gia đình. Đồng thời bà S cũng xác định: Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2021 của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa anh L và chị P, do Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên gửi cho bà nhờ bà giao lại cho chị P biết nội dung. Thỉnh thoảng chị P điện thoại về nhà nói chuyện với gia đình, bà đã thông báo lại cho chị P biết việc anh L đã gửi đơn ly hôn với chị P đến Tòa án giải quyết. Chị P đã biết việc anh L gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng chị P nói không về giải quyết, tùy ý kiến của anh

L muốn giải quyết như thế nào thì tùy anh L. Nếu anh L cương quyết nộp đơn xin ly hôn với chị thì chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Chị P cũng không nói cho bà biết địa chỉ cụ thể hiện nay chị đang ở đâu và làm công việc gì, vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn anh Trương Văn L chấp hành các quy định pháp luật tốt; đối với bị đơn chị Lê Thị P đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị P theo quy định pháp luật. Vì chị P không cho anh Trương Văn L biết thông tin địa chỉ cụ thể nơi ở hiện tại nên anh L không cung cấp để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Vì vậy có thể xác định chị P đã cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú hiện tại của mình nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Văn L được ly hôn với chị Lê Thị P;

- Về án phí:

+ Anh Trương Văn L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Chị Lê Thị P không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Anh Trương Văn L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị P nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn chị Lê Thị P là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại

thôn 8 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn chị Lê Thị P tại phiên tòa: Qua xác minh tại địa phương nơi chị P đăng ký hộ khẩu thường trú cung cấp thì chị P thường xuyên đi làm ăn xa nhà, ít khi về thăm gia đình và địa phương. Khi đi làm xa, chị P không thông báo địa chỉ nơi cư trú cho anh L, gia đình và địa phương biết. Anh L có hỏi địa chỉ cụ thể nhưng chị P chỉ nói là đi làm ăn, không nói cho anh L biết địa chỉ cụ thể hiện nay chị đang ở đâu, làm gì. Trước khi anh chị sống ly thân nhau từ năm 2012 thì anh L đã thông báo cho chị P biết việc anh sẽ làm đơn ly hôn với chị gửi Tòa án giải quyết, chị P biết nhưng nói không về Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật về thụ lý vụ án, mở phiên họp công khai chứng cứ, xét xử thông qua anh Tướng Văn L (chồng chị P), bà Lý Thị S (mẹ đẻ chị P) và tại địa phương. Anh L cũng cam đoan và xác định đã thông báo cho chị P biết Thông báo thụ lý vụ án số 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2021 và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho chị P biết việc anh L nộp đơn ly hôn với chị P tại Tòa án, chị P đã biết nhưng không có ý kiến gì và không thông báo lại địa chỉ hiện tại đang cư trú. Như vậy người bị kiện là chị Lê Thị P đã cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tướng Văn L và chị Lê Thị P được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 14/3/2011 tại UBND xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh L và chị P là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa anh L và chị P hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách giữa anh L và chị P không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống; do anh L là lao động tự do không có công việc làm ổn định, chị P làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh thường xuyên đi làm xa nhà, vợ chồng không ai quan tâm và yêu thương, tin tưởng nhau. Thực tế anh L và chị P đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay, chị P đã chuyển toàn bộ đồ đạc về sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ; ngày 20/7/2017 chị P cũng đã chuyển hộ khẩu từ thôn 2 N, xã Y, huyện H về sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ tại thôn 8 M, xã Y, huyện H, vợ chồng anh chị không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Từ khi chị P đi làm ăn xa, anh L có hỏi địa chỉ cụ thể của chị P hiện nay đang ở đâu và làm gì nhưng chị P không nói cho anh L biết, chị P cũng đã biết và được thông báo nội dung anh L xin ly hôn nhưng chị P không về Tòa án giải quyết. Chị P cũng không nói địa chỉ cụ thể hiện nay chị đang ở đâu và làm gì, chị cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú hiện nay của mình không cho anh L biết để cung cấp cho Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị P đã quá căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, vì thực tế anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Chị P không đến Tòa án làm việc nhưng xác định nếu anh L cương quyết xin ly hôn thì chị đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh Tướng Văn L và xử cho anh L được ly hôn với chị Lê Thị P theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Anh L xác định anh và chị P không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Anh L xác định anh và chị P không có tài sản chung, đất đai chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vay nợ chung: Anh L xác định anh và chị P không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Tướng Văn L phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm e khoản 1 Điều 192, các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Tướng Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tướng Văn L được ly hôn với chị Lê Thị P.

2. Về án phí: Anh Tướng Văn L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004485 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Anh Tướng Văn L đã nộp đủ tiền án phí.

- Chị Lê Thị P không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Tướng Văn L và chị Lê Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Yên Lâm (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng

